

Số: 1234/QĐ-LTT-CTCT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Xét cấp học bổng khuyến khích học tập Học kỳ II/2018-2019

Khóa: 2017 C1 - Cao đẳng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1130/QĐ-LĐTBXH ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng thành Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc ban hành Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 196/QĐ-LTT-TC ngày 04 tháng 3 năm 2019 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 70/2008/QĐ-BLĐTBXH ký ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về học bổng khuyến khích học nghề đối với học sinh, sinh viên trong các trường chuyên, trường năng khiếu, các cơ sở giáo dục Đại học và Trung cấp chuyên nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 1275/QĐ-LTT-KHTC ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về việc Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2019;

Căn cứ vào điểm trung bình chung học tập và kết quả rèn luyện HKII/2018-2019;

Căn cứ vào Tờ trình đề xuất phương án chi học bổng khuyến khích học tập Học kỳ II năm học 2018-2019 ngày 10 tháng 10 năm 2019;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Công tác Chính trị - Học sinh Sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xét cấp học bổng khuyến khích học tập HKII/2018-2019 cho 56 sinh viên Khóa 2017 C1 – Cao đẳng, đạt điểm chuẩn học bổng khuyến khích học tập;

- Học bổng loại Xuất sắc có điểm TBCHT ≥ 9.28 và KQRL ≥ 93 = 02 SV;
- Học bổng loại Giỏi có điểm TBCHT ≥ 8.00 và KQRL ≥ 80 = 31 SV;
- Học bổng loại Khá có điểm TBCHT ≥ 8.50 và KQRL ≥ 70 = 20 SV;
- Học bổng loại Khá có điểm TBCHT ≥ 7.01 và KQRL ≥ 100 = 03 SV;

Tiêu chuẩn học bổng: Chỉ lấy điểm thi, kiểm tra hết môn học lần thứ nhất. Trong đó không có điểm thi, kiểm tra và tổng kết môn học < 5 , không bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên và kết quả rèn luyện từ khá trở lên trong học kỳ II (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Những sinh viên có tên trong danh sách được nhận 05 tháng học bổng theo quy định hiện hành và nhận trong HKI/2019-2020, với các mức học bổng như sau:

- Mức học bổng loại Xuất sắc = 550.000đ/tháng/SV;
- Mức học bổng loại Giỏi = 475.000đ/tháng/SV;
- Mức học bổng loại Khá = 300.000đ/tháng/SV;
- Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng phòng, khoa, cổ vấn học tập và những sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Ban Giám hiệu (để b/c) ;
- Lưu: VT, P.CTCT.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Lộc

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Khóa 2017 Cao đẳng
Mã ĐV có QH với NS: 1058083

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

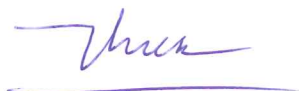
BẢNG THANH TOÁN HỌC BỔNG (SINH HOẠT PHÍ)

Học kỳ II năm học 2018-2019

Số TT	Họ và tên		Mã số	Lớp	ĐIỂM TBCHT	KQRL	Đối tượng	Mức học bổng (sinh hoạt phí)	Tổng số học bổng (sinh hoạt phí) được hưởng	Các khoản phải khấu trừ			Số còn được lĩnh	Ký nhận
												Tổng số		
A	B		C				D	1	4	5	6	7	8 = 4 - 7	E
1	Trần Ngọc	Hào	17001382	17C1-CNM1	9,32	100	Xuất sắc	2.750.000	2.750.000				2.750.000	
6	Đặng Thùy	Nga	17000554	17C1-CNM1	9,28	93	Xuất sắc	2.750.000	2.750.000				2.750.000	
	Cộng =		6										5.500.000	

Tổng số tiền (Viết bằng chữ: Năm triệu năm trăm ngàn đồng)

Người lập



Lê Xuân Thiện

Kế toán trưởng



Nguyễn Kính

Ngày 15 tháng 10 năm 2019

Thủ trưởng đơn vị



Phạm Hữu Lộc

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Khóa 2017 Cao đẳng
Mã ĐV có QH với NS: 1058083

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG THANH TOÁN HỌC BỔNG (SINH HOẠT PHÍ)

Học kỳ II năm học 2018-2019

Số TT	Họ và tên		Mã số	Lớp	ĐIỂM TBCHT	KQRL	Đối tượng	Mức học bổng (sinh hoạt phí)	Tổng số học bổng (sinh hoạt phí) được hưởng	Các khoản phải khấu trừ			Số còn được lĩnh	Ký nhận
												Tổng số		
A	B		C				D	1	4	5	6	7	8 = 4 - 7	E
1	Nguyễn Thái	Hưng	17004259	17C1-ĐCN4	8,03	90	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
2	Trần Thị Mỹ	Oanh	17004586	17C1-ĐĐT2	8,49	100	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
3	Nguyễn Thị Diễm	Thúy	17002678	17C1-ĐĐT2	8,19	100	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
4	Châu Đình	Viên	17002271	17C1-ĐĐT2	8,53	100	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
5	Hồ Văn	Vũ	17004077	17C1-ĐĐT4	8,06	86	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
6	Lê Tuấn	An	17002663	17C1-ĐTC1	8,63	82	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
7	Phan Gia	Thịnh	17003260	17C1-ĐTC1	8,01	80	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
8	Hà Bình Ngọc	Lân	17000250	17C1-CNL1	8,54	91	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
9	Trần Đình	Sơn	17000336	17C1-CNL1	8,11	80	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
10	Trương Thanh	Nhà	17004809	17C1-CCK7	9,00	80	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
11	Huỳnh Hữu	Phúc	17003476	17C1-CCK7	8,50	81	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
12	Phạm Thị	Nhân	17002776	17C1-CNM1	8,74	100	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
13	Hồ Thị Yến	Nhi	17002397	17C1-CNM1	8,98	89	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
14	Lý Thị Xuân	Nhi	17001795	17C1-CNM1	8,76	82	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
15	Nguyễn Hồng	Phấn	17000073	17C1-CNM1	8,62	87	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
16	Dương Thị Phương	Trang	17001687	17C1-CNM1	8,42	94	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
17	Võ Thị Cẩm	Tú	17002602	17C1-CNM1	8,86	92	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	



Số TT	Họ và tên		Mã số	Lớp	ĐIỂM TBCHT	KQRL	Đối tượng	Mức học bổng (sinh hoạt phí)	Tổng số học bổng (sinh hoạt phí) được hưởng	Các khoản phải khấu trừ			Số còn được lĩnh	Ký nhận
												Tổng số		
A	B		C				D	1	4	5	6	7	8 = 4 - 7	E
18	Đặng Thị	Vân	17002640	17C1-CNM1	8,52	90	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
19	Hồ Khánh Linh	Chi	17003268	17C1-CNM2	8,13	82	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
20	Châu Thị Thùy	Dung	17003597	17C1-CNM2	8,04	86	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
21	Phạm Võ Kim	Hằng	17000490	17C1-CNM2	8,75	81	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
22	Bùi Thị Thu	Hiền	17004394	17C1-CNM2	9,17	84	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
23	Trần Thị Trà	My	17003425	17C1-CNM2	8,20	82	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
24	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	17003188	17C1-CNM2	8,66	99	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
25	Trần Thị Hồng	Ngọc	17003910	17C1-CNM2	8,14	100	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
26	Trần Tú	Ngọc	17004219	17C1-CNM2	8,69	83	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
27	Trần Thị Mỹ	Tiên	17003773	17C1-CNM2	8,68	100	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
28	Bùi Ngọc	Tịnh	17003503	17C1-CNM2	8,71	86	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
29	Nguyễn Thị	Trang	17003394	17C1-CNM2	8,43	80	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
30	Phan Thị Mỹ	Trang	17003427	17C1-CNM2	8,36	82	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
31	Võ Tuyết	Trinh	17004033	17C1-CNM2	8,54	87	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
	Cộng =		31										73.625.000	

Tổng số tiền (Viết bằng chữ: Bảy mươi ba triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng)

Người lập



Lê Xuân Thiện

Kế toán trưởng



Nguyễn Kính

Ngày 15 tháng 10 năm 2019

Thủ trưởng đơn vị



Phạm Hữu Lộc

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Khóa 2017 Cao đẳng
Mã ĐV có QH với NS: 1058083

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG THANH TOÁN HỌC BỔNG (SINH HOẠT PHÍ)

Học kỳ II năm học 2018-2019

Số TT	Họ và tên		Mã số	Lớp	ĐIỂM TBCHT	KQRL	Đôi tượng	Mức học bổng (sinh hoạt phí)	Tổng số học bổng (sinh hoạt phí) được hưởng	Các khoản phải khấu trừ			Số còn được lĩnh	Ký nhận
												Tổng số		
A	B		C				D	1	4	5	6	7	8 = 4 - 7	E
1	Nguyễn Thanh	Sang	17004843	17C1-CCK7	9,50	73	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
2	Nguyễn Huỳnh Mẫn	Thi	17004074	17C1-NNA1	9,19	72	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
3	Bùi Tấn	An	17003283	17C1-CCK7	9,00	73	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
4	Lê Trung	Trọng	17003493	17C1-CCK7	9,00	73	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
5	Nguyễn Thị Hồng	Ánh	17001522	17C1-CNM1	8,99	79	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
6	Bùi Quốc	Việt	17002848	17C1-QTM1	8,98	71	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
7	Huỳnh Thị Như	Hà	17002870	17C1-CNM1	8,90	79	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
8	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	17002633	17C1-CNM1	8,89	79	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
9	Đặng Thị Kiều	Thu	17003506	17C1-CNM2	8,88	77	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
10	Dương Cẩm	Tú	17001428	17C1-CNM1	8,85	77	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
11	Nguyễn Thị Mỹ	Hiền	17003928	17C1-CNM2	8,84	76	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
12	Nguyễn Thị Trâm	Phương	17003827	17C1-NNA1	8,79	70	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
13	Châu Mỹ	Duyên	17001429	17C1-CNM1	8,65	77	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
14	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	17003997	17C1-CNM2	8,65	72	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
15	Nguyễn Thị Hạnh	Trinh	17003687	17C1-CNM2	8,62	74	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
16	Trịnh Hồng	Nga	17001034	17C1-CNM1	8,58	71	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
17	Trần Thị Ngọc	Trâm	17001826	17C1-CNM2	8,58	71	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
18	Cao Thị Thanh	Thúy	17002689	17C1-CNM1	8,53	72	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	



Số TT	Họ và tên		Mã số	Lớp	ĐIỂM TBCHT	KQRL	Đối tượng	Mức học bổng (sinh hoạt phí)	Tổng số học bổng (sinh hoạt phí) được hưởng	Các khoản phải khấu trừ			Số còn được lĩnh	Ký nhận
												Tổng số		
A	B		C				D	1	4	5	6	7	8 = 4 - 7	E
19	Lê Thị Hồng	Lương	17000523	17C1-CNM2	8,51	76	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
20	Phạm Thị Hồng	Nhung	17003610	17C1-CNM2	8,50	74	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
21	Phan Thị	Thêm	17002672	17C1-CNM2	7,33	100	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
22	Phạm Minh	Tín	17002428	17C1-ĐĐT2	7,32	100	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
23	Lê Trung	Kiên	17002453	17C1-TĐH1	7,01	100	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
	Cộng = 23												34.500.000	

Tổng số tiền (Viết bằng chữ: Ba mươi bốn triệu năm trăm ngàn đồng)

Người lập



Lê Xuân Thiện

Kế toán trưởng



Nguyễn Kính

Ngày 15 tháng 10 năm 2019

Thủ trưởng đơn vị



Phạm Hữu Lộc

